Market Highlight

VietinBankSc

01 December 2014

HOSE 01/12/2014

VNINDEX	568.01	1.43	0.25%
KLGD		123,856,042	CP
GTGD		2,187.64	Tỷ
GTR NDTNN	-	106.94	Tỷ
CP Tăng giá		108	CP
CP Giảm giá		118	CP
CP Đứng giá		78	CP

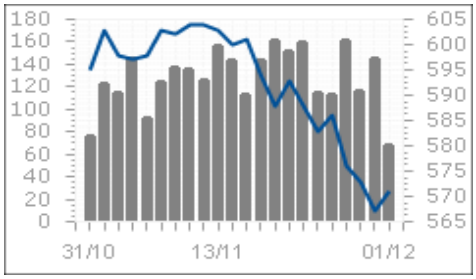

HNX 01/12/2014

HNXINDEX	87.44	0.02	0.02%
KLGD		59,109,300	CP
GTGD		943.69	Tỷ
GTR NDTNN	-	50.56	Tỷ
CP Tăng giá		92	CP
CP Giảm giá		90	CP
CP Đứng giá		197	CP

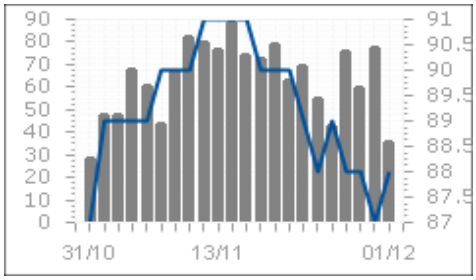

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	614.44	3.29	0.54%
HNX30	174.46	-0.74	-0.42%

VietinBankSc
306 Ba Trieu
Hai Ba Trung
Hanoi
Vietnam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Tâm điểm

- **Khối ngoại bán ròng mạnh nhưng lực cầu nội vẫn giúp 2 sàn hồi phục**
- **Khối lượng giao dịch sụt giảm trên cả hai sàn**
  NĐT Nước ngoài tiếp tục bán ròng mạnh trên HOSE và HNX
- **Giao dịch sôi động trên OMO tuần cuối tháng 11**
  NHNN bơm ròng tổng cộng 13.688 tỷ đồng trên thị trường OMO
  Infonet
- **PMI tháng 11 tăng lên 52,1 điểm, mạnh nhất 5 tháng**
  HSBC vừa công bố báo cáo về tình hình sản xuất của các thị trường mới nổi
  HSBC
- **Nhật Bản bị Moody's hạ xếp hạng tín nhiệm**
  Moody's đã hạ xếp hạng tín nhiệm của Nhật Bản từ AA3 xuống A1
  CNBC
- **Kinh Đô đã thông qua mua 30% cổ phiếu quỹ**
  Ngày 1/12/2014, Đại hội cổ đông bất thường năm 2014 của KDC
  DVO/KDC
- **Microsoft và Thế Giới Di Động ký kết cung cấp phần mềm bản quyền**
  Biên bản ghi nhớ này là kế hoạch hợp tác đột phá trong đó Microsoft và MWG
  Vietstock

Thị trường / Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,020,190	13.8	2.8	18.4%	9.7%
HNX	145,158	14.0	1.8	8.7%	4.3%
Toàn bộ thị trường	**1,165,348**	**14.3**	**2.8**	**18.3%**	**9.3%**
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	7,274	7.0	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,736	8.9	1.5	17.0%	10.6%
Thép và sản phẩm thép	37,746	12.9	2.0	22.1%	10.7%
Khai khoáng	12,581	90.3	6.2	-4.0%	-3.3%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,056	13.7	1.4	13.7%	7.5%
Xây dựng	33,497	32.7	1.2	-0.5%	2.2%
Máy công nghiệp	8,456	8.6	1.3	15.2%	10.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,958	8.7	1.5	18.5%	13.5%
Lốp xe	8,444	10.9	2.8	25.5%	11.1%
Nuôi trồng nông & hải sản	23,531	11.0	2.0	21.6%	7.4%
Thực phẩm	187,395	23.9	4.5	18.8%	14.5%
Dược phẩm	15,834	12.6	2.8	22.3%	14.8%
Phần mềm	16,852	10.1	2.1	21.7%	8.9%
Sản xuất & phân phối điện	28,506	9.9	1.4	15.6%	7.4%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	169,486	13.9	4.5	32.4%	21.9%
Bảo hiểm nhân thọ	24,905	19.8	2.1	10.4%	2.2%
Môi giới chứng khoán	28,601	12.2	1.6	11.1%	7.6%
Ngân hàng	235,074	11.1	1.2	10.3%	0.9%
Bất động sản	168,387	16.5	2.7	18.2%	4.6%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	40,549	9.2	1.9	21.9%	9.3%

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

Trịnh Thị Thu Phương
thuphuong@vietinbanksc.com.vn

► Tin kinh tế

Giao dịch sôi động trên OMO tuần cuối tháng 11

Trong tuần 24-28/11, tính chung cho cả 2 nghiệp vụ Reverse Repo và Sell Outright, NHNN bơm ròng tổng cộng 13.688 tỷ đồng trên thị trường OMO, là tuần thứ ba liên tiếp NHNN bơm tiền ra thị trường. Đối với nghiệp vụ Sell Outright (phát hành tín phiếu) tổng giá trị tín phiếu trúng thầu là 16.526 tỷ đồng (tăng 188% so với tuần trước đó),Lãi suất trúng thầu tuần vừa qua ở kỳ hạn 28, 56 ngày cùng tăng 0,3% so với cuối tuần trước, ở mức lần lượt là 2,90% và 3,30%. Lãi suất kỳ hạn 84 ngày và 91 ngày là 3,5% (kỳ hạn 91 ngày tăng nhẹ 0,1% so với cuối tuần trước đó). Tổng khối lượng tín phiếu đáo hạn là 30.214 tỷ đồng.

PMI tháng 11 tăng lên 52,1 điểm, mạnh nhất 5 tháng

Ngân hàng HSBC vừa công bố báo cáo về tình hình sản xuất của các thị trường mới nổi, trong đó có Việt Nam. Theo báo cáo, chỉ số thu mua sản xuất (PMI) tháng 11 của Việt Nam tăng lên 52,1 điểm, từ 51 điểm trong tháng 10, cho thấy điều kiện kinh doanh được cải thiện mạnh nhất 5 tháng trở lại đây. Sản lượng và số đơn đặt hàng mới tăng nhanh hơn, trong khi dự trữ hàng hóa tăng mạnh nhất. Sản lượng trong tháng 11 tăng tháng thứ 4 liên tiếp, với tốc độ tăng trưởng nhanh nhất kể từ tháng 4. Điều này được cho là nhờ nhu cầu tiêu thụ được cải thiện cùng với sự gia tăng số lượng doanh nghiệp mới.Số đơn đặt hàng xuất khẩu tăng tháng thứ 3 liên tiếp và tăng nhanh nhất kể từ tháng 4. Hàng hóa đã có tính cạnh tranh cao về giá và chất lượng sản phẩm.

Nhật Bản bị Moody's hạ xếp hạng tín nhiệm

Moody's hôm nay hạ xếp hạng tín nhiệm của Nhật Bản từ AA3 xuống A1, với triển vọng ổn định. Quyết định hạ xếp hạng tín nhiệm đưa ra sau khi chỉ số Nikkei trên thị trường chứng khoán Nhật Bản đóng cửa ở mức cao nhất 7 năm. Trong thông cáo phát đi, các chuyên gia của Moody's cho rằng, lo ngại ngày càng tăng về việc liệu Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe có thể đạt được mục tiêu cắt giảm thâm hụt hay không và thời gian cũng như tính hiệu quả của chính sách kích thích tăng trưởng kinh tế khiến trái phiếu chính phủ Nhật Bản trở thành tài sản đầu tư rủi ro hơn trong trung hạn. Việc hạ tín nhiệm phản ánh những lo ngại về triển vọng kinh tế của Nhật Bản.

Trịnh Thị Thu Phương
thuphuong@vietinbanksc.com.vn

► Tin doanh nghiệp

Kinh Đô đã thông qua mua 30% cổ phiếu quỹ

Ngày 1/12/2014, Đại hội cổ đông bất thường năm 2014 của Công ty cổ phần Kinh Đô KDC có sự tham gia của 923 cổ đông, đại diện cho 204.543.426 cổ phiếu, tương ứng với 80,16% vốn điều lệ KDC. Đại hội đã thông qua một số nội dung gồm đầu tư thêm vào Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam (Vocarimex), nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Công ty cổ phần Kinh Đô Bình Dương (BKD) và KDC mua lại cổ phiếu quỹ tối đa lên đến 30% tổng số cổ phiếu phát hành. Cụ thể: Tăng tỷ lệ sở hữu tại Vocarimex lên 51%, Mondelez International mua 80% cổ phần Kinh Đô Bình Dương, Mua lại 30% cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ, số lượng cổ phiếu này được mua với giá không quá 60.000 đồng/cổ phiếu do HSC làm đại lý thực hiện giao dịch mua lại.

Microsoft và Thế Giới Di Động ký kết cung cấp phần mềm bản quyền

Microsoft và Thế Giới Di Động (HOSE: Mã MWG) chính thức ký kết Biên bản ghi nhớ nhằm thúc đẩy việc đưa các sản phẩm chính hãng bản quyền chất lượng cao đến người tiêu dùng Việt Nam. Biên bản ghi nhớ này là kế hoạch hợp tác đột phá trong đó Microsoft hướng đến việc mang lại một nền tảng công nghệ hoàn thiện và động bộ trên mọi thiết bị di động cá nhân, còn Thế Giới Di Động với kinh nghiệm của nhà bán lẻ hàng đầu có thể giúp đông đảo người dùng Việt Nam tiếp cận dễ dàng hơn với những công nghệ này. Theo ông Trần Kinh Doanh, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế giới Di động, hợp tác với Microsoft chúng tôi có điều kiện tốt hơn trong việc phổ biến các sản phẩm chính hãng giúp người tiêu dùng Việt Nam được trải nghiệm và sử dụng những thiết bị, dịch vụ chất lượng cao xứng đáng với chi phí họ bỏ ra.

LCM: Nâng tỷ lệ sở hữu tại Gia Long Hòa Bình lên 95%

CTCP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (HNX: QNC) công bố quyết định của HĐQT về việc chuyển đổi mô hình hoạt động của khách sạn Hồng Gai thành công ty cổ phần để chào bán cho đối tác, cổ đông bên ngoài. Khách sạn Hồng Gai là đơn vị hạch toán phục thuộc QNC, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nhà nghỉ và khách sạn. Theo quyết định của HĐQT, QNC sẽ chuyển đổi mô hình hoạt động Khách sạn Hồng Gai để thành lập CTCP Thương mại & Du lịch Hà Thành với vốn điều lệ 29 tỷ đồng. Sau khi thành lập, QNC sẽ bán cổ phần cho đối tác, cổ đông bên ngoài và chỉ còn sở hữu 1.45 tỷ đồng, chiếm 5% VĐL.

Market Highlight

HOSE	01/12/2014	VNINDEX	568.01	1.43	0.25%	123,856,042 CP	2,187.64 bil VND

Khối ngoại bán ròng mạnh nhưng lực cầu nội vẫn giúp 2 sàn hồi phục

VN-Index tăng 1.43 điểm (+0.25%), đóng cửa tại mức 568.01 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, VN-Index hồi phục trở lại sau 3 phiên mất điểm liên tiếp.

- MACD tiếp tục sụt giảm rất mạnh. Đây là tín hiệu hết sức bi quan.
- Stochastic Oscillator chưa cho tín hiệu mua trở lại và vẫn nằm sâu trong vùng quá bán.
- RSI (14) có cải thiện nhẹ nhưng vẫn đang ở vùng quá bán 30. Hầu hết mỗi lần RSI về vùng này thì chỉ số VN-Index đều hồi phục.

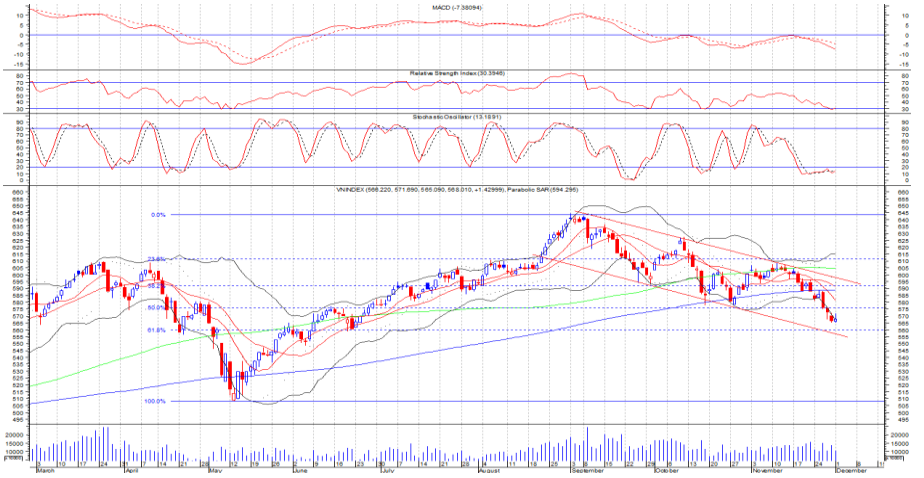

HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.2 (-1.7%)	27,044,230
HAG	0.2 (0.8%)	4,365,840
VHG	0.1 (0.7%)	4,081,090
SAM	0.3 (2.2%)	4,019,060
ITA	-0.1 (-1.1%)	3,417,810

HOSE Top 5 theo % tăng

PNC	0.7 (7.0%)	67,390
SBC	2.2 (6.9%)	228,230
VOS	0.4 (6.9%)	1,968,580
LGC	2 (6.9%)	217,830
COM	2.4 (6.9%)	1,800

HOSE Top 5 theo % giảm

SC5	-1.8 (-6.7%)	410
QBS	-1.4 (-6.6%)	719,980
TNC	-0.9 (-6.5%)	80,660
TSC	-2.6 (-5.9%)	94,220
VNI	-0.2 (-5.6%)	8,100

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

HVG	6,6	tỷ	207,500
VHC	6,2	tỷ	165,570
MSN	3,1	tỷ	38,620
VCB	2,9	tỷ	105,230
HSG	2,4	tỷ	49,000

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

PVD	-59,0	tỷ	776,590
HPG	-39,0	tỷ	687,560
GAS	-33,9	tỷ	388,820
HAG	-21,7	tỷ	893,910
KDC	-17,0	tỷ	317,990

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-1,215,340	- 106.94

Nhận định / Bình luận thị trường

- Nhóm cổ phiếu dầu khí vẫn tiếp tục gây ảnh hưởng lớn tới chỉ số, tuy vậy thì việc lực cầu duy trì tốt đã giúp VN-Index giữ được đà hồi phục đến cuối phiên.
- KLGD sụt giảm và đạt 108 triệu cổ phiếu, nhìn chung giới đầu tư vẫn đang phần nào thận trọng, dù dòng tiền có sự phân hóa khá rõ.
- Khối ngoại bán ròng với giá trị 107 tỷ. Lực bán ròng của khối này vẫn chưa dừng lại, tâm điểm vẫn là nhóm cổ phiếu dầu khí.
- VN-Index vẫn đang nằm trong xu hướng giảm điểm,việc lực cầu vẫn duy trì khá đều như hiện nay cho thấy nhịp hồi có thể xuất hiện ở những phiên sắp tới.
- NĐT chỉ nên xem xét mua trở lại khi thị trường tăng điểm tốt và thanh khoản gia tăng dần bởi rủi ro VN-Index mất điểm vẫn còn.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	85.0	161,075.00	14.1	4.6	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	99.5	99,511.80	17.0	5.5	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	28.2	75,153.57	16.1	1.7	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	48.6	70,691.38	18.1	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	82.0	60,336.27	- 465.7	4.1	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.0	52,127.66	9.6	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	12.9	36,264.51	8.0	1.1	13.6%	0.8%
HPG	481.9	54.0	26,023.04	8.2	2.3	30.2%	14.7%
BVH	680.5	37.9	25,789.87	19.8	2.1	10.4%	2.2%
PVD	303.0	74.0	22,424.73	9.6	2.1	22.6%	10.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	11.1	815.84	13.4	0.9	NA	TH.DOI
HBC	53.4	16.2	865.02	24.6	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.3	2,229.67	6.8	1.2	NA	TH.DOI
BMP	45.5	71.0	3,228.97	8.4	1.8	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.7	650.03	5.4	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	21.8	601.90	1.9	0.9	NA	TH.DOI

Market Highlight

HNX	01/12/2014	HNX-Index	87.44	0.02	0.02%	59,109,300 CP	943.69 bil. VND

Khối ngoại bán ròng mạnh nhưng lực cầu nội vẫn giúp 2 sàn hồi phục

Chỉ số HNX-Index tăng 0.02 điểm (+0.02%), đóng cửa tại mốc 87.44 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân nến vừa phải, tín hiệu nến đảo chiều xuất hiện ở sàn HNX-Index dự báo có thể tín hiệu hồi phục sẽ xuất hiện ở những phiên tới.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator gia tăng tốt trở lại.
- MACD sau khi cắt đường zero - base, tiếp tục sụt giảm.
- RSI (14) đi ngang ở mốc 42.
- HNX-Index vẫn chưa phá vỡ kênh giá tăng điểm từ tháng 5 đến nay.

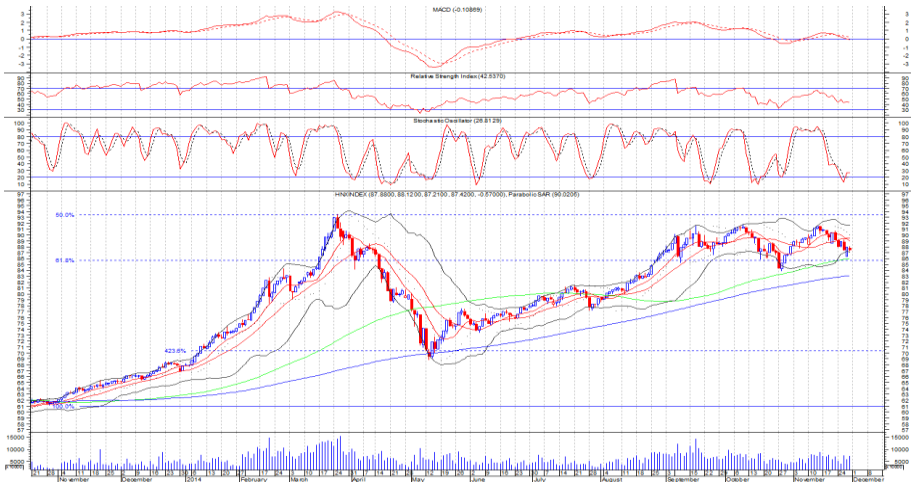

HNX Top 5 theo KLGD

KLF	0 (0.0%)	8,096,770
PVX	0 (0.0%)	5,466,650
PVS	0 (0.0%)	3,797,340
SCR	-0.2 (-1.9%)	3,465,680
FIT	-2 (-7.4%)	2,565,650

HNX Top 5 theo % tăng

ITQ	3.6 (9.8%)	1,784,730
VIX	3.3 (9.8%)	781,500
DBT	2 (9.8%)	32,050
DNP	2.2 (9.8%)	2,100
SDU	1.3 (9.6%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

TV2	-3.4 (-10.0%)	100
ECI	-1.9 (-9.9%)	100
BSC	-0.6 (-9.8%)	100
PMS	-1 (-9.8%)	6,000
SDC	-1.5 (-9.6%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

BVS	1,0	tỷ	67,700
SHB	0,6	tỷ	72,500
SD6	0,4	tỷ	26,000
MCC	0,1	tỷ	9,100
HMH	0,1	tỷ	4,500

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-47,0	tỷ	1,427,920
AAA	-3,6	tỷ	199,000
PVX	-1,6	tỷ	258,400
KLS	-0,6	tỷ	49,000
NET	-0,3	tỷ	12,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-1,762,126	- 50.56

Nhận định / Bình luận thị trường

- Nhóm cổ phiếu dầu khí vẫn tiếp tục gây ảnh hưởng lớn tới chỉ số, tuy vậy thì việc lực cầu duy trì tốt đã giúp HNX-Index giữ được đà hồi phục đến cuối phiên.
- KLGD sụt giảm và đạt 52 triệu cổ phiếu, nhìn chung giới đầu tư vẫn đang phần nào thận trọng, dù dòng tiền có sự phân hóa khá rõ.
- Khối ngoại bán ròng với giá trị 50,5 tỷ. Lực bán ròng của khối này vẫn chưa dừng lại, tâm điểm vẫn là nhóm cổ phiếu dầu khí.
- HNX-Index vẫn đang trong kênh giá tăng duy trì từ tháng 5/2014, tín hiệu lực cầu cho thấy nhiều khả năng HNX-Index có thể sẽ hồi phục ở những phiên sắp tới.
- NĐT chỉ nên xem xét mua trở lại khi thị trường tăng điểm tốt và thanh khoản gia tăng dần bởi rủi ro HNX-Index mất điểm vẫn còn.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	32.8	14,651.77	8.8	1.7	19.6%	6.6%
ACB	909.8	15.2	13,828.66	25.6	1.1	4.4%	0.3%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.7	7,708.93	9.5	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	13.9	6,139.78	9.6	1.1	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.9	4,030.33	12.3	0.6	5.1%	1.8%
NTP	56.3	52.5	2,957.81	7.0	2.0	23.4%	14.9%
VNR	131.1	21.5	2,818.13	8.8	1.1	12.8%	5.4%
PLC	70.3	36.0	2,529.34	10.7	2.0	19.7%	7.4%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	33.1	1,257.80	7.8	1.3	NA	TH.DOI
AAA	39.6	17.7	700.92	6.7	1.3	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.2	2,045.98	11.0	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	52.5	2,957.81	7.0	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	31.1	1,555.00	7.8	1.7	NA	TH.DOI
DXP	7.9	42.0	330.75	7.9	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	15.22%	82.0	- 465.65	4.13	106,082	144,231	189,193
VIC	HOSE	1,454.6	70,691.38	12.53%	48.6	18.05	3.81	1,053,347	1,172,414	1,824,530
PVD	HOSE	303.0	22,424.73	11.71%	74.0	9.55	2.07	807,729	573,087	635,132
HPG	HOSE	481.9	26,023.04	11.57%	54.0	8.16	2.25	472,939	430,664	635,044
HAG	HOSE	789.9	19,194.55	7.45%	24.3	10.12	1.31	2,253,258	3,102,460	3,708,982
KDC	HOSE	255.2	13,013.22	7.00%	51.0	21.80	2.00	1,451,949	1,469,787	978,413
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	5.69%	18.8	8.68	1.20	258,332	248,365	404,770
VCB	HOSE	2,665.0	75,153.57	5.16%	28.2	16.06	1.71	284,723	264,228	386,770
DPM	HOSE	379.9	11,663.98	4.04%	30.7	9.27	1.20	477,809	404,929	703,195
KBC	HOSE	389.8	6,431.04	2.83%	16.5	15.44	1.25	3,822,171	4,900,089	5,054,955
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	2.64%	8.8	52.40	0.81	6,113,662	6,041,387	7,099,750
HSG	HOSE	96.3	4,767.50	1.95%	49.5	11.58	2.00	122,169	184,843	321,798
BVH	HOSE	680.5	25,789.87	1.83%	37.9	19.81	2.08	199,453	200,065	257,358
HVG	HOSE	132.0	4,131.59	1.55%	31.3	14.22	1.72	1,231,208	1,412,029	1,925,875
FLC	HOSE	314.9	3,621.28	1.53%	11.5	6.86	0.97	24,698,196	20,219,779	16,778,708
PPC	HOSE	318.2	8,017.50	1.47%	25.2	10.97	1.48	168,178	220,188	494,443
DRC	HOSE	83.1	4,652.14	1.41%	56.0	13.58	3.28	53,168	53,763	140,061
PVT	HOSE	255.9	4,451.92	1.37%	17.4	15.07	1.46	2,263,005	2,176,919	2,288,663
CSM	HOSE	67.3	2,960.85	1.32%	44.0	8.45	2.32	92,667	86,950	199,395
VSH	HOSE	206.2	2,949.25	1.16%	14.3	19.86	1.08	412,189	459,435	541,079
OGC	HOSE	300.0	2,490.00	0.56%	8.3	14.62	0.77	6,258,449	6,140,334	5,576,489

Công ty quản lý	**DB Platinum Advisors**	Ngày lập quỹ	**15/01/2008**	SLCKVN	**22/22**
Chỉ số tham chiếu	**FTST Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**14/05/2007**	TGTTSQL	**361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	8.46%	82.0	- 465.65	4.13	106,082	144,231	189,193
VIC	HOSE	1,454.6	70,691.38	7.72%	48.6	18.05	3.81	1,053,347	1,172,414	1,824,530
VCB	HOSE	2,665.0	75,153.57	7.14%	28.2	16.06	1.71	284,723	264,228	386,770
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	6.63%	18.8	8.68	1.20	258,332	248,365	404,770
PVS	HNX	446.7	14,651.77	5.62%	32.8	8.83	1.68	2,006,353	1,683,437	3,252,011
BVH	HOSE	680.5	25,789.87	4.52%	37.9	19.81	2.08	199,453	200,065	257,358
DPM	HOSE	379.9	11,663.98	4.24%	30.7	9.27	1.20	477,809	404,929	703,195
HAG	HOSE	789.9	19,194.55	4.00%	24.3	10.12	1.31	2,253,258	3,102,460	3,708,982
PVD	HOSE	303.0	22,424.73	3.86%	74.0	9.55	2.07	807,729	573,087	635,132
PPC	HOSE	318.2	8,017.50	3.10%	25.2	10.97	1.48	168,178	220,188	494,443
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	3.19%	8.8	52.40	0.81	6,113,662	6,041,387	7,099,750
FLC	HOSE	314.9	3,621.28	2.90%	11.5	6.86	0.97	24,698,196	20,219,779	16,778,708
SHB	HNX	886.1	7,708.93	2.59%	8.7	9.53	0.75	2,612,403	2,408,891	4,372,503
VCG	HNX	441.7	6,139.78	2.08%	13.9	9.56	1.12	1,654,923	1,503,457	1,612,063
PVT	HOSE	255.9	4,451.92	1.76%	17.4	15.07	1.46	2,263,005	2,176,919	2,288,663
OGC	HOSE	300.0	2,490.00	1.50%	8.3	14.62	0.77	6,258,449	6,140,334	5,576,489
DRC	HOSE	83.1	4,652.14	1.02%	56.0	13.58	3.28	53,168	53,763	140,061
IJC	HOSE	274.2	3,729.05	0.64%	13.6	22.01	1.29	385,553	517,189	1,066,273
PVX	HNX	400.0	2,520.00	0.00%	6.3	- 2.75	2.73	5,504,956	5,752,291	8,191,753

Công ty quản lý	**Van Eck Global**	Ngày lập quỹ	**08/11/2009**	SLCKVN	**17/27**
Chỉ số tham chiếu	**Market Vector Vietnam Index**	Ngày lập chỉ số	**24/11/2008**	TGTTSQL	**439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	70,691.38	0.00%	48.6	18.05	3.81	1,053,347	1,172,414	1,824,530
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	0.00%	82.0	- 465.65	4.13	106,082	144,231	189,193
DPM	HOSE	379.9	11,663.98	0.00%	30.7	9.27	1.20	477,809	404,929	703,195
HAG	HOSE	789.9	19,194.55	0.00%	24.3	10.12	1.31	2,253,258	3,102,460	3,708,982
VCB	HOSE	2,665.0	75,153.57	0.00%	28.2	16.06	1.71	284,723	264,228	386,770
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.00%	18.8	8.68	1.20	258,332	248,365	404,770
BVH	HOSE	680.5	25,789.87	0.00%	37.9	19.81	2.08	199,453	200,065	257,358
CTG	HOSE	3,723.4	52,127.66	0.00%	14.0	9.60	0.95	130,076	154,581	292,131
GAS	HOSE	1,895.0	161,075.00	0.00%	85.0	14.13	4.61	482,834	386,824	413,635

Công ty quản lý	**Royal Bank of Scotland**	Ngày lập quỹ	**19/09/2011**	SLCKVN	**9/142**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier Markets Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	4.01%	82.0	- 465.65	4.13	106,082	144,231	189,193
VIC	HOSE	1,454.6	70,691.38	2.27%	48.6	18.05	3.81	1,053,347	1,172,414	1,824,530
PVD	HOSE	303.0	22,424.73	4.39%	74.0	9.55	2.07	807,729	573,087	635,132
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.89%	18.8	8.68	1.20	258,332	248,365	404,770
VCB	HOSE	2,665.0	75,153.57	1.28%	28.2	16.06	1.71	284,723	264,228	386,770
BVH	HOSE	680.5	25,789.87	1.79%	37.9	19.81	2.08	199,453	200,065	257,358

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ	**12/09/2012**	SLCKVN	**6/102**
Chỉ số tham chiếu	**MSCI Frontier 100 Index**	Ngày lập chỉ số	**30/11/2007**	TGTTSQL	**519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)

Công ty quản lý	**iShares**	Ngày lập quỹ		SLCKVN	
Chỉ số tham chiếu	**MSCI VN Investable Market Indx**	Ngày lập chỉ số	**01/12/2010**	TGTTSQL	**4,752.96 mil.**

Market Highlight

VietinBankSc

01 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,274	7.0	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,736	8.9	1.5	17.0%	10.6%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,021	16.0	1.0	5.6%	2.2%
Sản xuất giấy	890	6.5	1.0	14.1%	7.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	37,746	12.9	2.0	22.1%	10.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,976	3.6	1.0	22.0%	5.2%
Khai khoáng	12,581	90.3	6.2	-4.0%	-3.3%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,056	13.7	1.4	13.7%	7.5%
Xây dựng	33,497	32.7	1.2	-0.5%	2.2%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,203	9.6	1.1	15.6%	7.8%
Công nghiệp phức hợp	1,158	7.6	1.2	16.8%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,492	8.1	1.0	12.0%	5.6%
Thiết bị điện	2,155	33.4	1.2	2.0%	0.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	58	19.0	0.8	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,456	8.6	1.3	15.2%	10.3%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,697	3.5	1.1	5.3%	1.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,958	8.7	1.5	18.5%	13.5%
Dịch vụ vận tải	7,069	7.7	1.6	23.1%	13.1%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,993	12.0	2.0	16.0%	10.7%
Đào tạo & Việc làm	262	13.6	0.8	6.6%	2.4%
Nhà cung cấp thiết bị	202	9.2	0.9	12.3%	4.9%
Chất thải & Môi trường	206	3.1	1.0	34.0%	15.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,326	13.9	1.4	14.6%	7.2%
Lốp xe	8,444	10.9	2.8	25.5%	11.1%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,683	7.5	1.3	17.8%	9.5%
Vang & Rượu mạnh	324	16.3	2.2	14.9%	9.9%
Đồ uống & giải khát	227	6.3	1.1	14.7%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,531	11.0	2.0	21.6%	7.4%
Thực phẩm	187,395	23.9	4.5	18.8%	14.5%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	71	20.0	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	3,119	8.6	1.5	19.8%	9.4%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	566	68.2	1.5	2.4%	1.7%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,694	8.7	1.7	19.6%	7.6%
Giầy dép	12	1.7	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,376	10.7	2.0	18.4%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	694	10.0	1.1	0.2%	4.4%

Market Highlight

VietinBankSc

01 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	2,003	9.4	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	170	3.5	1.8	36.7%	16.6%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	236	10.1	1.4	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,834	12.6	2.8	22.3%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	268	- 42.6	0.9	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	766	10.7	1.3	13.8%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,998	10.4	1.8	18.6%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,145	9.4	1.0	10.8%	6.9%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,658	55.5	2.4	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,917	20.0	1.4	10.0%	8.3%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,741	18.5	3.5	23.5%	20.2%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	764	11.4	0.9	8.9%	3.3%
Internet	377	79.5	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,852	10.1	2.1	21.7%	8.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	461	15.7	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	295	5.6	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	12,013	32.0	6.0	33.0%	11.1%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	28,506	9.9	1.4	15.6%	7.4%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	169,486	13.9	4.5	32.4%	21.9%
Nước	1,244	6.7	1.1	17.0%	11.6%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,510	9.0	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,706	11.4	0.7	6.7%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,818	8.8	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	24,905	19.8	2.1	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	2,772	15.9	1.0	5.3%	1.6%
Môi giới chứng khoán	28,601	12.2	1.6	11.1%	7.6%
Ngân hàng					
Ngân hàng	235,074	11.1	1.2	10.3%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	168,387	16.5	2.7	18.2%	4.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	10	2.5	0.7	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	40,549	9.2	1.9	21.9%	9.3%

P/E: PE 4 quý gần nhất I **P/B**: Hệ số giá / Giá trị sổ sách I **ROE**: Lãi ròng / Vốn CSH I **ROA**: Lãi ròng / Tổng tài sản

- **Nguyễn Hữu Quang** — **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
  quangnh@vietinbanksc.com.vn

- **Trịnh Thị Thu Phương** — thuphuong@vietinbanksc.com.vn
  - Tổng hợp thông tin vĩ mô

- **Nguyễn Thu Hằng** — hangntt@vietinbanksc.com.vn
  - Ngân hàng
  - Dược phẩm
  - Phân bón
  - Nước giải khát

- **Nguyễn Quang Sắc** — sacnq@vietinbanksc.com.vn
  - Phân tích kỹ thuật
  - Nhận định, bình luận thị trường

- **Vũ Ánh Nguyệt** — nguyetva@vietinbanksc.com.vn
  - Cao su
  - Thủy sản
  - Dệt may
  - Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.